

BỘ VĂN HOÁ, THỂ
THAO VÀ DU LỊCH-BỘ
NỘI VỤ
Số: 09/2015/TTLT-
BVHTTDL-BNV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2015

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH - BỘ NỘI VỤ -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
Số: 09/2015/TTLT- BVHTTDL-BNV	<i>Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2015</i>

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

QUY ĐỊNH MÃ SỐ VÀ TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
CHUYÊN NGÀNH DI SẢN VĂN HÓA

*Căn cứ Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật
sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18
tháng 6 năm 2009;*

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy
định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về
chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị
định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số Điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của
Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ
trang;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao
và Du lịch;*

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;
Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1. Thông tư liên tịch này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.
- 2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành di sản văn hóa làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa

Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa bao gồm:

1. Di sản viên hạng II	Mã số: V.10.05.16
2. Di sản viên hạng III	Mã số: V.10.05.17
3. Di sản viên hạng IV	Mã số: V.10.05.18

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành di sản văn hóa

- 1. Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được giao, luôn tuân thủ pháp luật, luôn thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.
- 2. Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc Việt Nam.
- 3. Trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với

những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Có ý thức phối hợp, giúp đỡ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Di sản viên hạng II - Mã số: V.10.05.16

1. Nhiệm vụ:

a) Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án của đơn vị về hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; tham gia kiểm kê, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể;

b) Tham gia tổng kết đánh giá, đúc kết kinh nghiệm và đề xuất sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện quy trình, quy phạm về các mặt hoạt động nghiệp vụ, kỹ thuật bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

c) Xây dựng đề cương trưng bày giới thiệu di sản văn hóa, phương án bảo tồn di tích, tổ chức triển khai và thực hiện trưng bày các chủ đề trọng tâm của bảo tàng đảm bảo quy trình, nội dung khoa học và chủ đề tư tưởng sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động tuyên truyền, giáo dục tại bảo tàng, di tích; trực tiếp thực hiện công tác tuyên truyền đối với các đối tượng nghiên cứu, tham quan có yêu cầu nghiệp vụ chuyên sâu;

đ) Xây dựng nội dung chương trình và tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ cho ngạch viên chức hạng dưới;

e) Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ngành, cấp tỉnh về nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành di sản văn hóa;

b) Có trình độ ngoại ngữ từ Bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

- c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;
- d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh di sản viên hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- b) Có kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- c) Có năng lực phân tích, tổng hợp những vấn đề thuộc phạm vi quản lý;
- d) Chủ trì hoặc tham gia ít nhất một đề án, dự án hoặc đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ngành, cấp tỉnh đã được nghiệm thu xếp loại đạt trở lên hoặc được đưa vào áp dụng.

4. Việc thăng hạng chức danh di sản viên hạng II:

Viên chức thăng hạng từ chức danh di sản viên hạng III lên chức danh di sản viên hạng II phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và có thời gian công tác giữ chức danh di sản viên hạng III hoặc tương đương đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh di sản viên hạng III tối thiểu đủ 02 (hai) năm.

Điều 5. Di sản viên hạng III - Mã số: V.10.05.17

1. Nhiệm vụ:

- a) Xây dựng hồ sơ hiện vật, hồ sơ di tích, hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể đạt các tiêu chuẩn khoa học; phân tích, xác định sơ bộ giá trị của hiện vật, di tích, di sản văn hóa phi vật thể phù hợp với các kết luận khoa học đã được chính thức công nhận để chuẩn bị cho việc xét quyết định nhập hiện vật vào kho bảo quản hoặc đăng ký hiện vật vào sổ kiểm kê bước đầu; lập danh Mục và tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể;
- b) Tham gia xây dựng các đề cương trưng bày giới thiệu di sản văn hóa; phương án tu bổ, tôn tạo di tích và xây dựng mới, sửa chữa bảo tàng;
- c) Tham gia xây dựng nội dung và thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục tại bảo tàng, di tích;

- d) Kiểm tra, đánh giá tình trạng hiện vật, đề xuất kế hoạch bảo quản, tu bổ, sắp xếp hiện vật trong kho bảo quản theo hệ thống đúng quy định;
- đ) Tham gia xây dựng nội dung chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ cho ngạch viên chức hạng dưới;
- e) Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học của đơn vị về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- g) Tham gia xây dựng đề án bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành di sản văn hóa;
- b) Có trình độ ngoại ngữ từ Bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;
- c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;
- d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh di sản viên hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- b) Có kiến thức về nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- c) Có năng lực phân tích, tổng hợp những vấn đề thuộc phạm vi quản lý.

4. Việc thăng hạng chức danh di sản viên hạng III

Viên chức thăng hạng từ chức danh di sản viên hạng IV lên chức danh di sản viên hạng III phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và có thời gian công tác giữ chức danh di sản viên hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm đối với trình độ cao đẳng hoặc tối thiểu đủ 03 (ba) năm đối với trình độ trung cấp.

Điều 6. Di sản viên hạng IV - Mã số: V.10.05.18

1. Nhiệm vụ: